TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn - Bà Trần Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Minh C - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Mỹ P, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện tại: Tổ H, khu vực 7, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Chí T tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L vào ngày 22/11/2012. Sau khi

kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Thời gian sống ly thân bà nhiều lần tạo cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi, không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 23/10/2012. Bà đồng ý để ông T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà không tranh chấp quyền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Chí N ngày 02/7/2025 (có sự chứng kiến của bà Lê Thị N1 - bà nội cháu N), cháu N trình bày: Hiện cháu sống cùng với ba (ông Nguyễn Chí T), cháu có nguyện vọng được sống cùng ba nếu ba mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Chí T được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Phiên tòa mở lần thứ hai ông T tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ P về việc ly hôn ông Nguyễn Chí T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 23/10/2012 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cư ngụ tại xã M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Mỹ P và ông Nguyễn Chí T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L năm 2012 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà P trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm nhau. Thời gian sống ly thân bà nhiều lần tạo cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi, không có thiện chí hàn gắn. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông T.

Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt. Theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an xã M, thành phố L ngày 12/5/2025 thể hiện: Nguyễn Chí T, sinh năm 1989 có đăng ký thường trú tại ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông T vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do bà P cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của bà P là ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cả ông T và bà P đều không quan tâm, không có biện pháp để hòa giải níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai ông T tiếp tục vắng mặt là không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51;

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P được ly hôn ông T.

[2.2]. Về con chung: Bà và ông T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 23/10/2012. Bà đồng ý để ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà không tranh chấp quyền nuôi con.

Xét thấy, thời gian vợ chồng sống ly thân con chung do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, bà P không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu N sau khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của cháu N được tiếp tục sống với ông T.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, ông T nuôi con nhưng không yêu cầu bà P cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà P được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà P được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết. Ông T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Mỹ P được ly hôn ông Nguyễn Chí T.

Về con chung: Ông T và bà P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Chí N, sinh ngày 23/10/2012.

Ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà P được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà P được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Hồ Thị Mỹ P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002801, ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo:

Bà Hồ Thị Mỹ P và ông Nguyễn Chí T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.